

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được lập ngày 14 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0777-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2020

ST
HÀ
HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		41.047.445.883	35.160.817.251
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	34.947.683.888	14.359.460.783
111	1. Tiền		6.947.683.888	10.359.460.783
112	2. Các khoản tương đương tiền		28.000.000.000	4.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.595.874.592	11.127.595.572
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.253.145.129	9.768.480.980
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	90.495.357	739.930.408
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	520.435.736	887.385.814
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(268.201.630)	(268.201.630)
140	IV. Hàng tồn kho	8	2.855.099.841	7.182.735.210
141	1. Hàng tồn kho		2.855.099.841	7.182.735.210
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.648.787.562	2.491.025.686
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	798.129.982	804.107.659
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		747.074.831	1.683.335.278
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	103.582.749	3.582.749
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		74.456.100.293	121.780.980.979
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		95.500.000	94.700.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	95.500.000	94.700.000
220	II. Tài sản cố định		71.765.656.125	119.838.245.438
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	64.510.360.125	112.582.949.438
222	- Nguyên giá		154.387.387.567	293.919.333.339
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(89.877.027.442)	(181.336.383.901)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	7.255.296.000	7.255.296.000
228	- Nguyên giá		7.255.296.000	7.255.296.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.594.944.168	1.848.035.541
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.594.944.168	1.848.035.541
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		115.503.546.176	156.941.798.230

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
 Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		22.016.220.015	36.780.717.268
310	I. Nợ ngắn hạn		13.511.220.015	21.275.717.268
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	5.095.473.720	8.520.847.962
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	183.706.059	2.482.436.580
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	19.493.247	24.520.620
314	4. Phải trả người lao động		1.627.504.202	2.798.629.802
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	32.762.500	48.688.750
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	179.576.782	301.418.179
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	4.600.000.000	4.600.000.000
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	1.208.000.000	1.730.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		564.703.505	769.175.375
330	II. Nợ dài hạn		8.505.000.000	15.505.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	8.505.000.000	13.105.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	-	2.400.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		93.487.326.161	120.161.080.962
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	93.487.326.161	120.161.080.962
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.007.985.000	5.007.985.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.057.985.173	7.996.557.898
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(5.578.644.012)	21.156.538.064
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		20.921.398.059	19.927.992.572
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		(26.500.042.071)	1.228.545.492
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		115.503.546.176	156.941.798.230

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Phan Thị Nha Trang
 Người lập *[Handwritten signature]*

Trần Thị Thanh Nhạn
 Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng
 Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

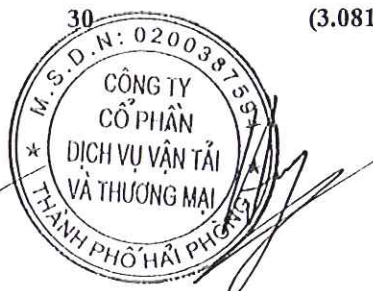
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	134.182.053.752	175.395.485.556
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		134.182.053.752	175.395.485.556
11	4. Giá vốn hàng bán	22	136.707.067.360	165.021.171.638
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.525.013.608)	10.374.313.918
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	463.603.737	355.710.585
22	7. Chi phí tài chính	24	1.551.881.094	2.361.234.237
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.481.803.889	2.252.726.712
25	8. Chi phí bán hàng	25	865.459.649	1.190.515.775
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.622.418.648	6.882.472.972
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.101.169.262)	295.801.519
31	11. Thu nhập khác	27	2.274.062.271	1.388.343.493
32	12. Chi phí khác	28	17.672.935.080	109.182.269
40	13. Lợi nhuận khác		(15.398.872.809)	1.279.161.224
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(26.500.042.071)	1.574.962.743
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	346.417.251
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(26.500.042.071)	1.228.545.492
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(3.081)	134



Phan Thị Nha Trang
Người lập



Trần Thị Thanh Nhàn
Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		146.617.289.877	177.859.541.040
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(111.668.617.511)	(131.668.077.469)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(17.363.102.299)	(17.577.335.957)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.497.730.139)	(2.282.214.139)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(181.022.434)	(410.962.975)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.473.584.058	7.251.169.473
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh ^(*)		(21.487.522.661)	(3.181.947.290)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>892.878.891</i>	<i>29.990.172.683</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		24.090.909.091	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		205.096.823	99.200.014
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>24.296.005.914</i>	<i>99.200.014</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	20.656.870.412
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(4.600.000.000)	(35.264.156.124)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(7.740.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(4.600.000.000)</i>	<i>(22.347.285.712)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>20.588.884.805</i>	<i>7.742.086.985</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.359.460.783	6.615.403.052
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(661.700)	1.970.746
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>34.947.683.888</u>	<u>14.359.460.783</u>

(*) Trong năm, Công ty thực hiện thanh toán khoản hòa giải số tiền 14.483.751.451 đồng bao gồm tiền phạt, tiền lãi, án phí thủ tục tố tụng sơ thẩm và án phí thi hành án, phí tư vấn pháp luật liên quan đến vụ kiện tàu Transco Star. Thông tin chi tiết được nêu tại Thuyết minh số 28 - Chi phí khác.




Phan Thị Nha Trang
Người lập



Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng




Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2020